| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **232/2019/QĐST-HNGĐ** | *Ba Tri, ngày 8 tháng 7 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Khổng Thanh Đ , sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 013/PTH, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Hồng T , sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 232/CV ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Khổng Thanh Đ và chị Lê Thị Hồng T .

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Khổng Thanh Đ và chị Lê Thị Hồng T . Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/KH ngày 09/8/2010 của UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Khi ly hôn chị Lê Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng con

chung tên Khổng Thị Thanh T1, sinh ngày 05/01/2011 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi (Nguyện vọng của cháu T1 là yêu cầu sống cùng chị T). Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Khổng Thanh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.
- Án phí hôn nhân gia đình hòa giải thành là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Khổng Thanh Đ tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002034 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ anh Đ còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Rẻn**